

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22/7/2022

“V/v: Ly hôn và nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Viết Thống.

2. Bà Trần Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Tổ Lâm, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 275/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 4 năm 2022, về việc: “*Ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/6/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 88/2022/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1986; Địa chỉ: phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Thanh N, sinh năm 1988; Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Đề nghị xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H trình bày có nội dung như sau:

Ông Nguyễn Ngọc H và bà Phạm Thị Thanh N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 14/12/2012. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau khi kết hôn, sau đó đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân chủ yếu là do trong cuộc sống vợ chồng bất đồng về quan điểm, tính tình không hợp nhau, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục được, đồng thời mục đích hôn nhân không đạt

được dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát và cãi nhau, sau đó thì mâu thuẫn phát sinh căng thẳng và sống ly thân mỗi người một nơi từ đó cho đến nay. Nay

ông H xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên ông H vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông H được ly hôn với bà N.

Về con chung: ông H và bà N có một con chung là Nguyễn Anh K, sinh ngày 13/01/2016. Ông H đồng ý để cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn bà Phạm Thị Thanh N tình bày:

Bà N và ông Nguyễn Ngọc H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 14/12/2012.

Quá trình chung sống 08 năm giữa bà N và ông H có một con chung là Nguyễn Anh K, sinh ngày 13/01/2016, gia đình sống sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2020 vì điều kiện bố mẹ chồng hay ốm đau, ông H muốn về quê để chăm sóc bố mẹ già nên ông H muốn ly hôn để bà N có cơ hội lấy người khác nhưng thật sự bà N còn tình cảm với ông H và bà N cũng không muốn con không có bố nên bà N không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà N và ông H có một con chung là Nguyễn Anh K, sinh ngày 13/01/2016, hiện nay con chung đang ở với bà N và do bà N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc nên bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc bà N không thể tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án được nên ông H vẫn muốn ly hôn thì bà N đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà N trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H xin ly hôn bà Phạm Thị Thanh N, vì mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng có thể hàn gắn được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn bà Phạm Thị Thanh N hiện đang cư trú và sinh sống tại phường T thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị xem xét giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà N lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 14/12/2012, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong quan điểm, lối sống không hòa hợp, vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Đến năm 2020 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và vợ chồng sống ly thân cho đến nay, sau khi ly thân ông H trở về sinh sống, chăm sóc bố mẹ già tại phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam, còn bà N cùng con chung sinh sống tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, không ai quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Nay ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên ông H nguyện vọng xin được ly hôn với bà N.

Bà Phạm Thị Thanh N cho rằng bố mẹ chồng hay ốm đau, ông H muốn về quê để chăm sóc bố mẹ già nên ông H muốn giải quyết ly hôn để bà N có cơ hội lấy người khác nhưng thật sự bà N còn tình cảm với ông H và bà N cũng không muốn con cái không có bố nên bà N không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, bà N cũng không có phương án hòa giải, khắc phục những mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng mà để mặc cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà N đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn vì thực tế ông H, bà N hiện mỗi người sống một nơi không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Hiện nay bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Anh K, sinh ngày 13/01/2016 và bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên. Ông H cũng đồng ý để cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K cho đến khi đủ 18 tuổi, nên giao cháu K cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Ông H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[6]. Về án phí: Ông H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H xin ly hôn bà Phạm Thị Thanh N.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc H được ly hôn bà Phạm Thị Thanh N.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Anh K, sinh ngày 13/01/2016 cho bà Phạm Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0012276 ngày 16/02/2022.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. B;
- UBND xã H, Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Đình Thanh

